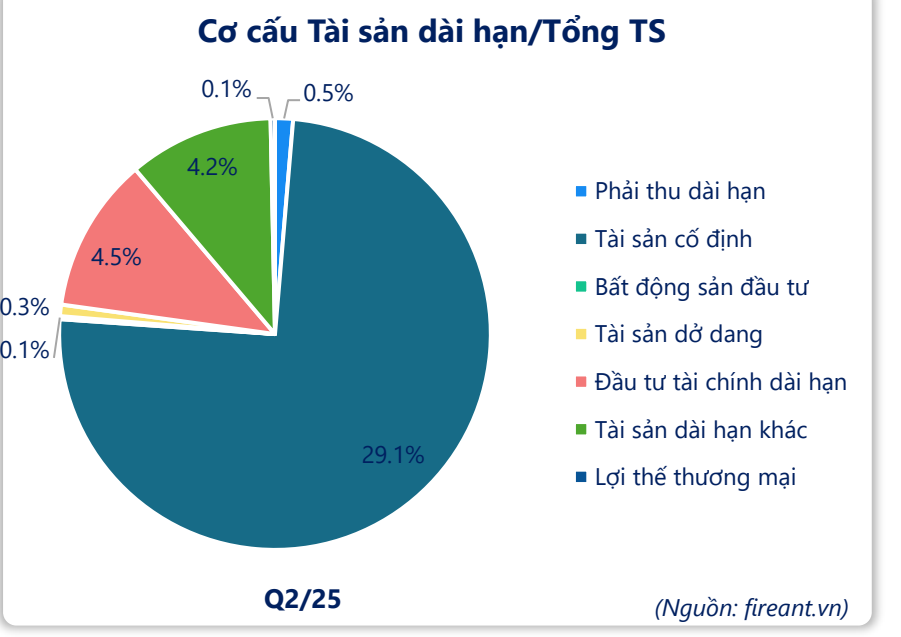
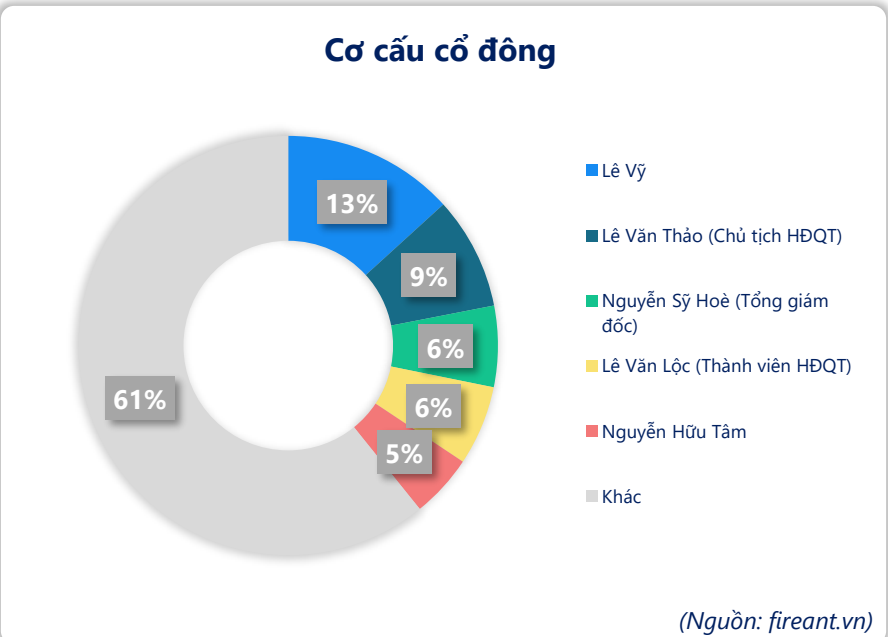
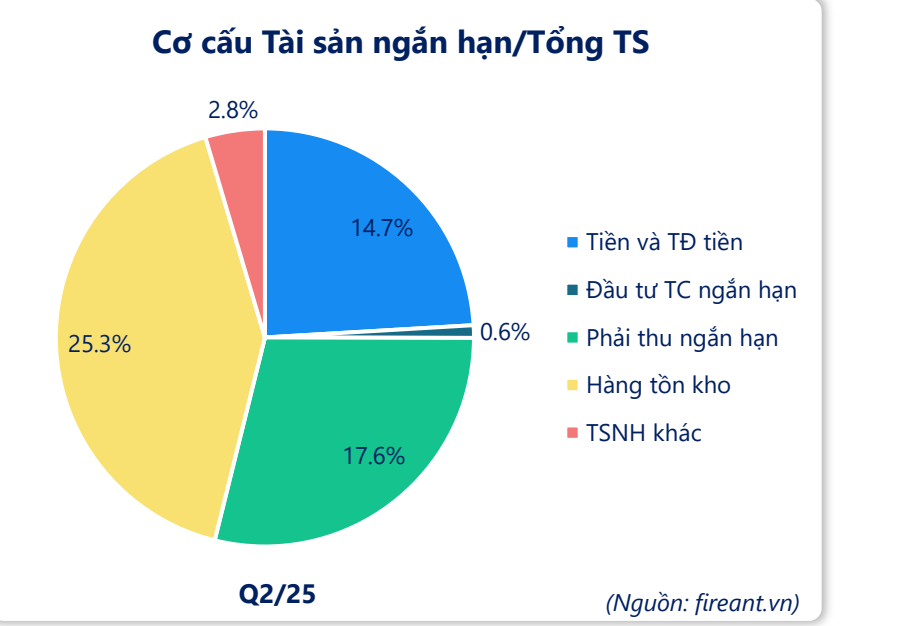
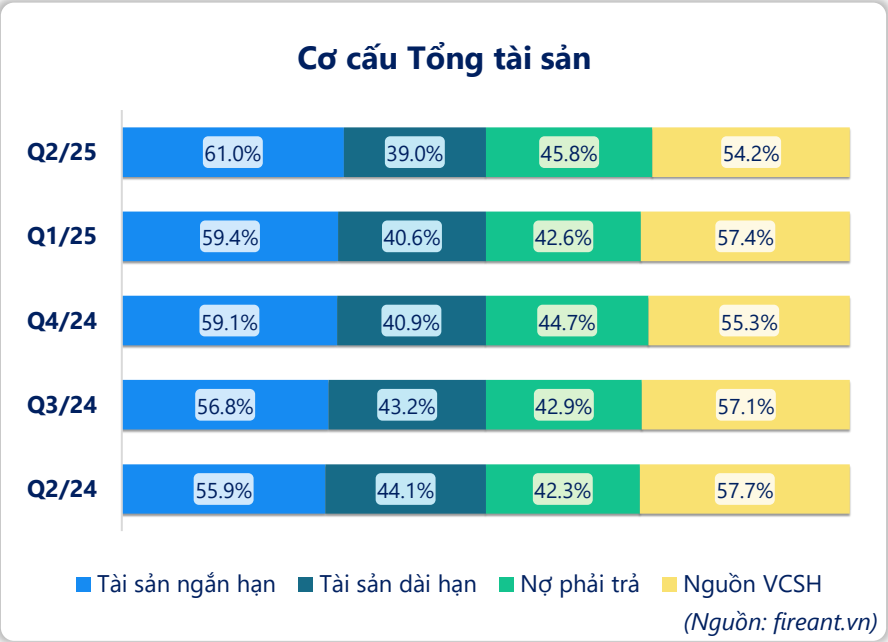
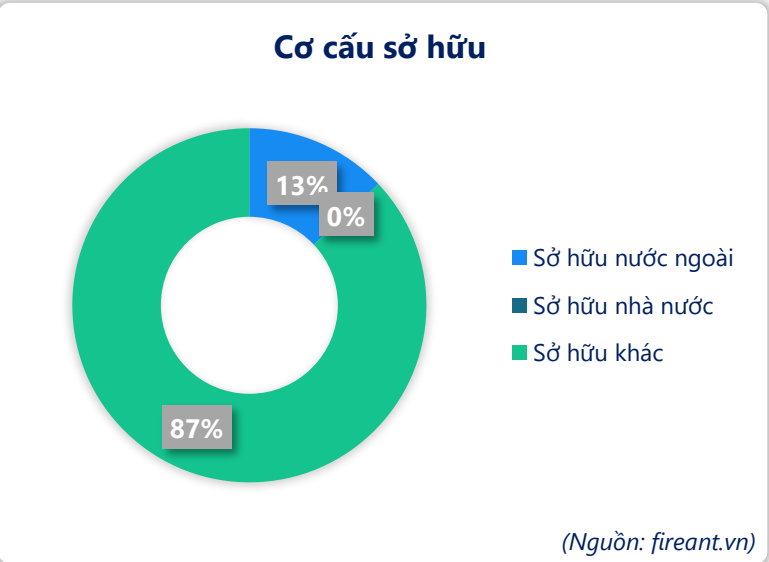
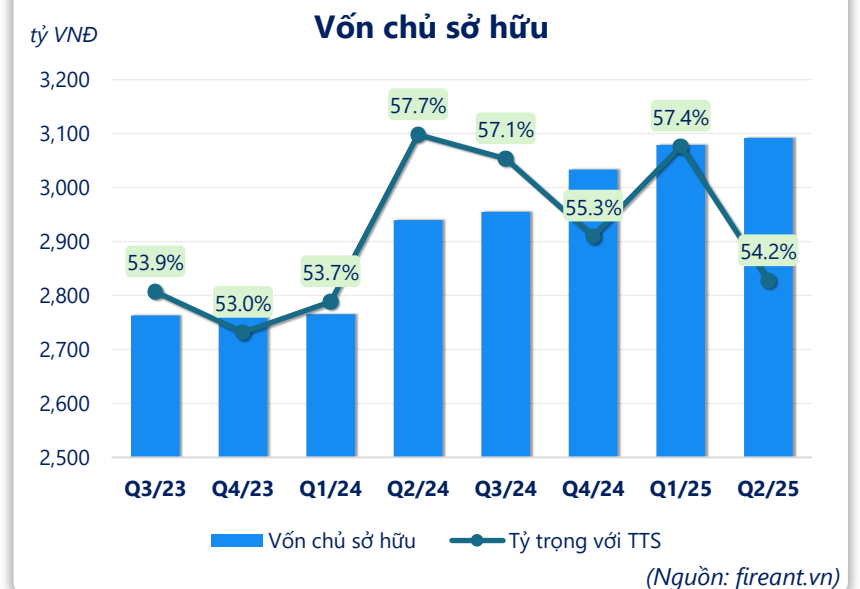
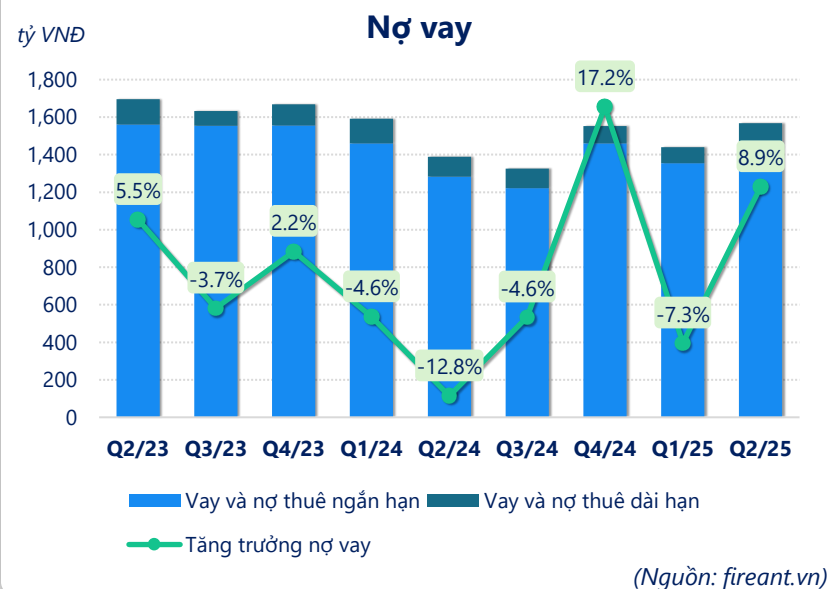
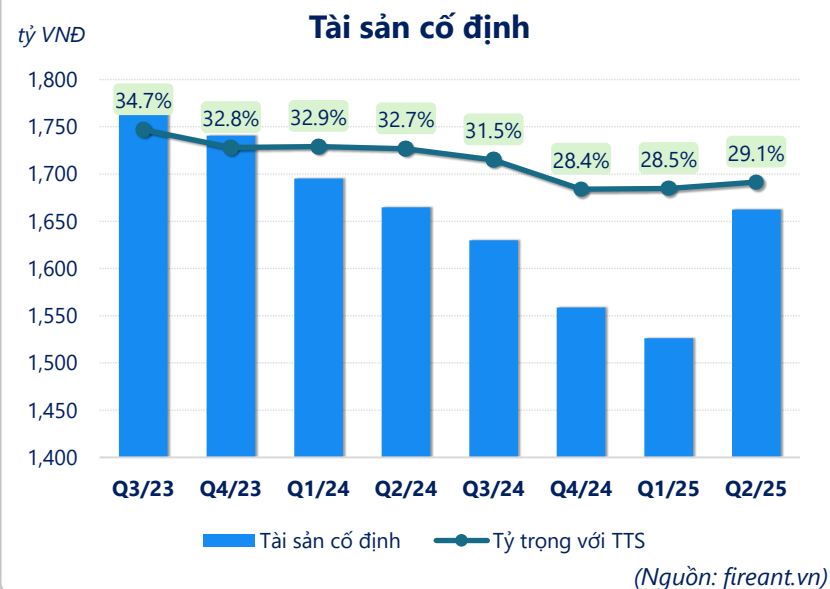
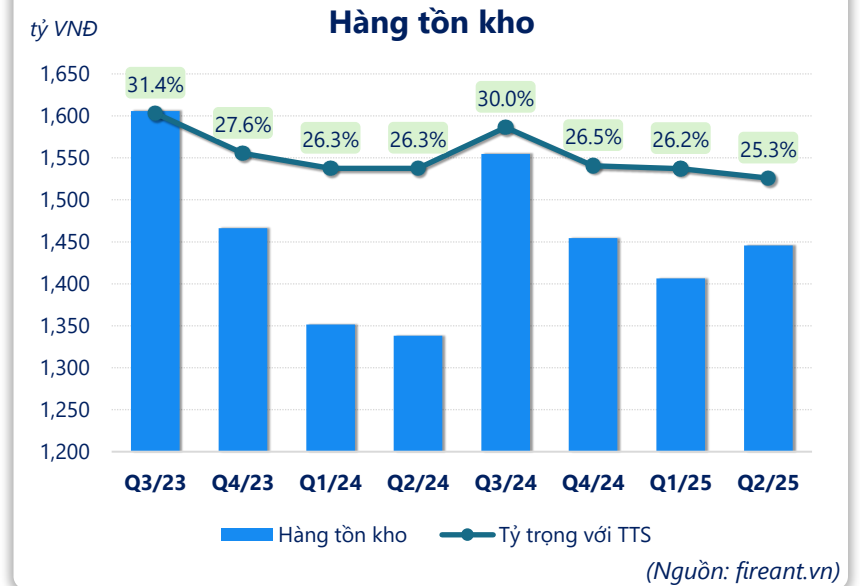
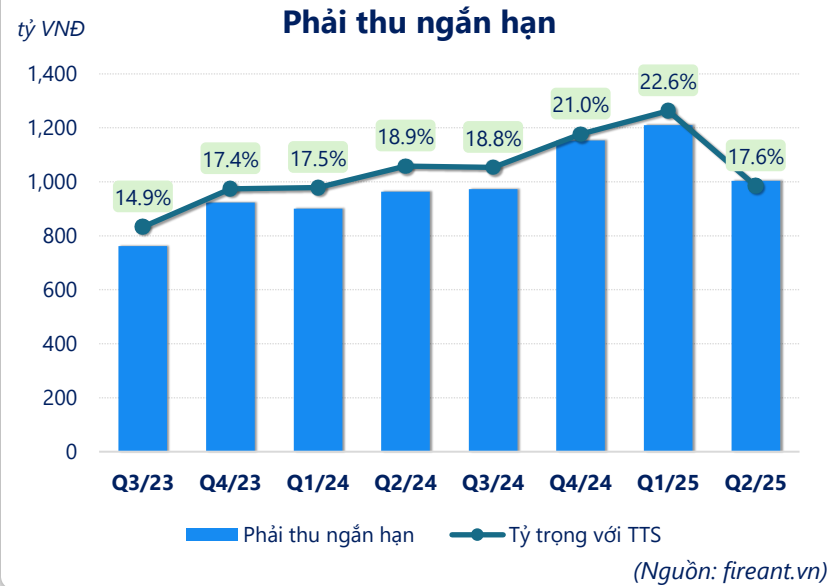
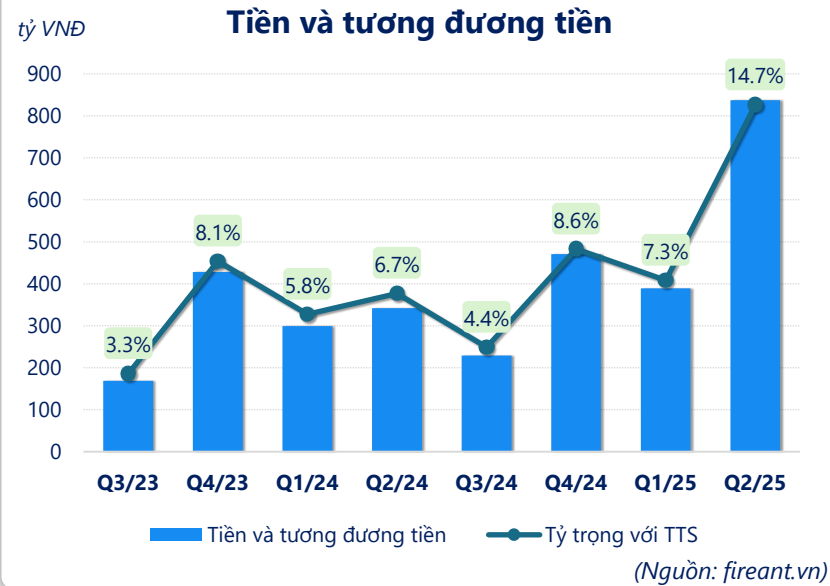
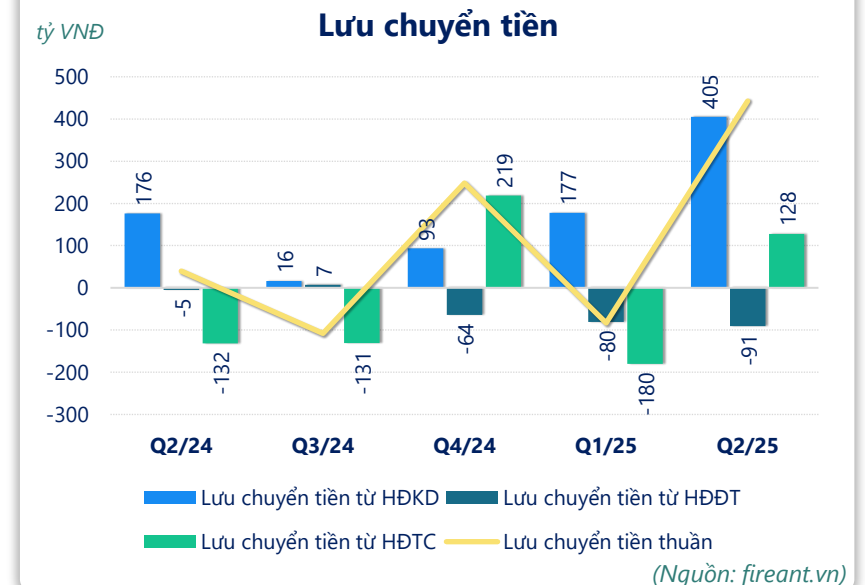
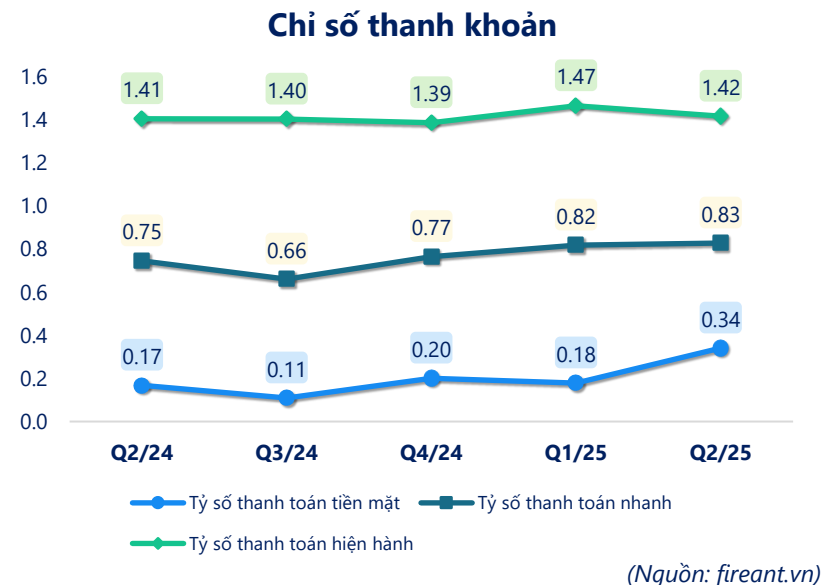
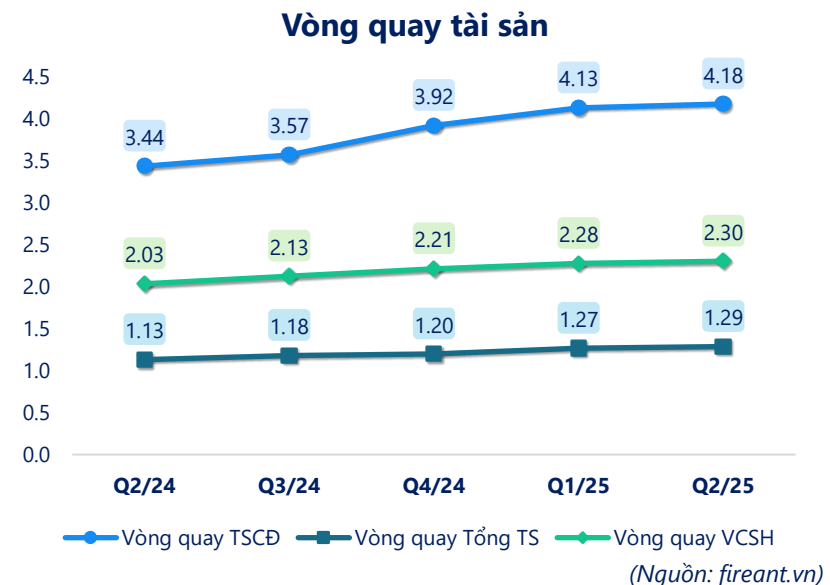
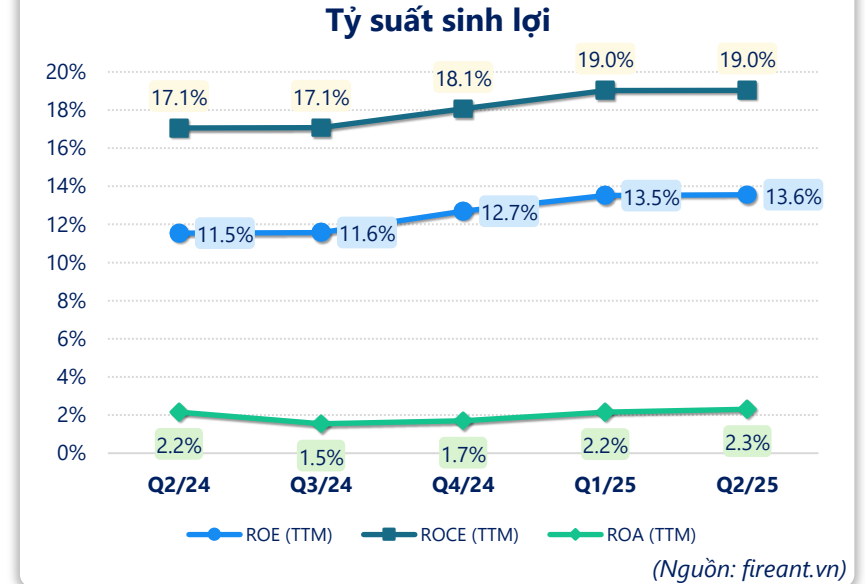
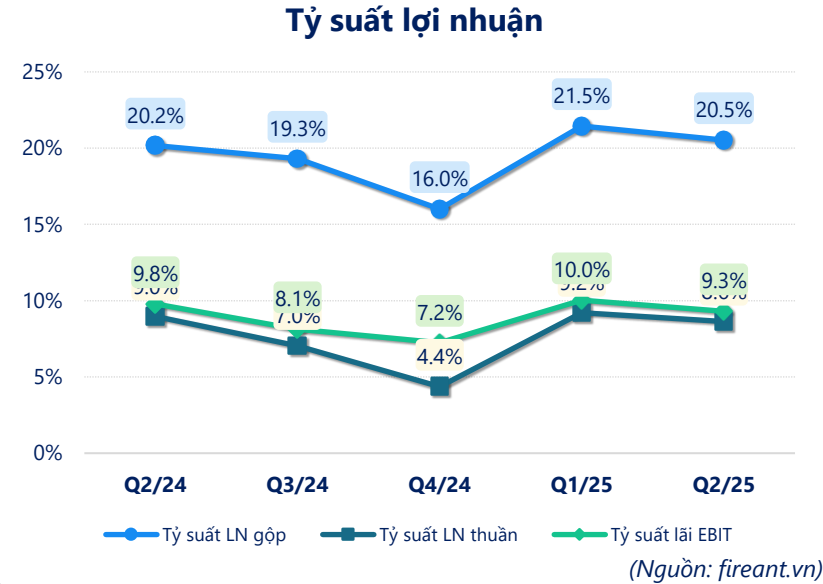
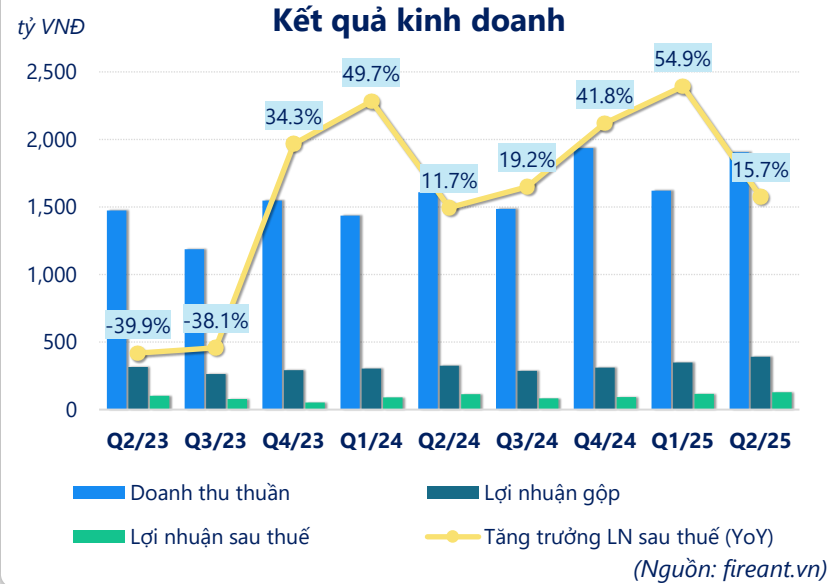


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		54,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		69,638
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		46,672
SL cổ phiếu LH		66,938,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)		114,570
% sở hữu nước ngoài		13.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,675
P/E		9.0
EPS		6,108

	YTD	1T	3T	6T
PTB	-14.7%	5.1%	-1.3%	-13.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,704	5,489	3.9%
Tài sản ngắn hạn	3,480	3,314	5.0%
Tiền và tương đương tiền	837	471	77.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.9	26.1	30.0%
Phải thu ngắn hạn	1,003	1,221	-17.9%
Hàng tồn kho	1,446	1,455	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	160	140	14.0%
Tài sản dài hạn	2,224	2,175	2.2%
Phải thu dài hạn	30.0	28.9	3.7%
Tài sản cố định	1,662	1,559	6.7%
Bất động sản đầu tư	5.04	5.15	-2.2%
Tài sản dở dang	19.1	73.2	-73.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	258	257	0.6%
Tài sản dài hạn khác	242	244	-1.0%
Lợi thế thương mại	7.28	8.84	-17.7%
Nợ phải trả	2,612	2,456	6.3%
Nợ ngắn hạn	2,456	2,352	4.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,436	1,471	-2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	465	516	-10.0%
Nợ dài hạn	156	105	48.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	131	81.5	60.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,092	3,033	1.9%
Vốn chủ sở hữu	3,092	3,033	1.9%
Vốn điều lệ	669	669	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,608	1,485	1,936	1,620	1,905
Giá vốn hàng bán	1,284	1,198	1,626	1,273	1,514
Lợi nhuận gộp	324	287	310	348	391
Doanh thu HĐTC	24.5	10.3	29.1	14.0	31.8
Chi phí TC	22.7	28.2	20.8	19.6	21.4
Chi phí lãi vay	19.4	18.5	17.7	17.4	19.3
LN trong công ty LKLD	-0.06	-0.27	0.09	1.24	-0.59
Chi phí bán hàng	122	106	148	131	150
Chi phí QLDN	59.9	57.7	86.0	63.3	86.6
LN thuần từ HĐKD	144	104	84.5	149	164
Lợi nhuận khác	-6.32	-2.14	38.1	-4.10	-6.31
LN trước thuế	138	102	123	145	158
Lợi nhuận sau thuế	114	82.1	93.7	117	129
LNST của CĐ cty mẹ	110	79.6	91.7	113	125

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	176	16.3	93.4	177	405
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.93	6.82	-64.1	-80.5	-90.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-132	-131	219	-180	128
Tiền đầu kỳ	299	342	229	471	389
Lưu chuyển tiền thuần	39.3	-108	248	-83.3	442
Ảnh hưởng tỷ giá	3.05	-5.18	-5.98	1.74	5.75
Tiền cuối kỳ	342	229	471	389	837

(Nguồn: fireant.vn)